

Số: 2825797

|                                                | Mazda CX-3 1.5L AT                      | Kia Soluto AT Deluxe (xe tập lái) |
|------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>527.000.000đ</b>                     | <b>439.000.000đ</b>               |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                                         |                                   |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4275 x 1765 x 1535                      |                                   |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2570                                    |                                   |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5300                                    |                                   |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 155                                     |                                   |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1210                                    |                                   |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1660                                    |                                   |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 350                                     |                                   |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 48                                      |                                   |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                                       |                                   |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước                        |                                   |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                                         |                                   |
| Loại động cơ                                   | Skyactiv-G 1.5L                         |                                   |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1496                                    |                                   |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 110 / 6000                              |                                   |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 144 / 4000                              |                                   |
| Hộp số                                         | 6AT                                     |                                   |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                         |                                   |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson                      |                                   |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh xoắn                              |                                   |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                     |                                   |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                     |                                   |
| Thông số lốp xe                                | 215/60 R16                              |                                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 7.9                                     |                                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 4.79                                    |                                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 5.91                                    |                                   |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                                       |                                   |
| Chế độ lái                                     | Normal/Sport                            |                                   |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao GVC |                                   |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                                         |                                   |
| Cụm đèn trước                                  | Halogen                                 |                                   |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | -                                       |                                   |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | -                                       |                                   |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | Chỉnh điện 5 vị trí                     |                                   |
| Đèn ban ngày LED                               | Halogen                                 |                                   |
| Cụm đèn sau                                    | Halogen                                 |                                   |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                                       |                                   |
| Gạt mưa tự động                                | -                                       |                                   |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                                         |                                   |
| Vô lăng bọc da                                 | ●                                       |                                   |
| Chất liệu ghế                                  | Nỉ                                      |                                   |

|                                    |                  |
|------------------------------------|------------------|
| Ghế người lái chỉnh cơ             | ●                |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ | ●                |
| Kính cửa sổ chỉnh điện             | ●                |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin      | Analog & Digital |
| Màn hình giải trí trung tâm        | AVN 7"           |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ●                |
| Hệ thống điều hòa tự động          | Chỉnh cơ         |
| Số vùng khí hậu điều hòa           | 1                |
| Chìa khóa thông minh               | ●                |
| Khởi động nút bấm                  | ●                |
| Hệ thống âm thanh                  | 4 loa            |
| Phanh đỗ điện tử                   | ●                |
| Giữ phanh tự động Autohold         | ●                |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX         | ●                |

#### **AN TOÀN:**

|                                            |   |
|--------------------------------------------|---|
| Số túi khí                                 | 2 |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | ● |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | ● |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA          | ● |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS       | ● |
| Hệ thống cân bằng điện tử                  | ● |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | ● |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA    | ● |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa            | ● |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm               | ● |